

**PHỤ LỤC BỔ SUNG KINH THỰC HIỆN PHỤ CẤP ƯU ĐÃI THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 182/2026/NĐ-CP ngày 22/5/2026 CỦA CHÍNH PHỦ
VÀ PHỤ CẤP KHU VỰC THEO THÔNG TƯ SỐ 15/2026/TT-BNV ngày 30/6/2026 CỦA BỘ NỘI VỤ**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDDT ngày /9/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

TT	Đơn vị	Mã ĐV QHNS	Mã kho bạc	Kho bạc giao dịch	Tổng kinh phí bổ sung, trong đó	Đối với viên chức, người lao động trong chỉ tiêu biên chế giao		Đối với hợp đồng chuyên môn, nghệ thuật theo NQ14/NQ-HĐND	
						Phụ cấp ưu đãi theo nghề	Phụ cấp khu vực	Phụ cấp ưu đãi theo nghề	Phụ cấp khu vực
						Tính chất nguồn kinh phí: 13		Tính chất nguồn kinh phí: 12	
A	B	C	D	E	1=2+3+4+5	2	3	4	5
I	Loại khoản 070 - 074								
1	Trường THPT Thái Phiên	1006569	0166	2	1.565.523.000	1.565.523.000	-		
2	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	1006570	0168	1	2.287.854.000	2.287.854.000	-		
3	Trường THPT Trần Phú	1006666	0161	KBNN KV XIII	1.648.044.000	1.648.044.000	-		
4	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn	1006801	0168	1	1.341.524.000	1.341.524.000	-		
5	Trường THPT Hòa Vang	1006802	0168	1	958.621.000	958.621.000	-		
6	Trường THPT Phan Châu Trinh	1006806	0161	KBNN KV XIII	2.509.872.000	2.509.872.000	-		
7	Trường THPT Tiểu La	1009977	0178	11	1.939.040.000	1.939.040.000	-		
8	Trường THPT Quế Sơn	1009978	0178	11	1.359.025.000	1.353.409.000	5.616.000		
9	Trường THPT Hiệp Đức	1010033	0178	11	542.732.000	542.732.000	-		-
10	Trường THPT Trần Cao Vân	1010034	0171	4	1.295.738.000	1.295.738.000	-		
11	Trường THPT Núi Thành	1010035	0173	6	1.194.892.000	1.194.892.000	-		
12	Trường THPT Nguyễn Duy Hiệu	1010036	0179	12	1.010.554.000	1.010.554.000	-		
13	Trường THPT Lê Hồng Phong	1010037	0179	12	740.549.000	737.741.000	2.808.000		
14	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	1010039	0178	11	822.878.000	822.878.000	-		
15	Trường THPT Nông Sơn	1010040	0178	11	622.067.000	604.475.000	-	14.784.000	2.808.000
16	Trường THPT Hoàng Diệu	1010041	0179	12	822.742.000	822.742.000	-		

TT	Đơn vị	Mã ĐV QHNS	Mã kho bạc	Kho bạc giao dịch	Tổng kinh phí bổ sung, trong đó	Đối với viên chức, người lao động trong chỉ tiêu biên chế giao		Đối với hợp đồng chuyên môn, nghệ thuật theo NQ14/NQ-HĐND	
						Phụ cấp ưu đãi theo nghề	Phụ cấp khu vực	Phụ cấp ưu đãi theo nghề	Phụ cấp khu vực
						Tính chất nguồn kinh phí: 13		Tính chất nguồn kinh phí: 12	
A	B	C	D	E	1=2+3+4+5	2	3	4	5
17	Trường THPT Phạm Phú Thứ - Gò Nổi	1010042	0179	12	552.028.000	552.028.000	-		
18	Trường THPT Trần Quý Cáp	1010043	0179	12	1.673.236.000	1.673.236.000	-		
19	Trường THPT Sào Nam	1010044	0179	12	1.505.903.000	1.508.711.000	(2.808.000)		
20	Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển	1010120	0176	9	1.273.729.000	908.689.000	365.040.000		
21	Trường THPT Chu Văn An	1010121	0176	9	1.187.851.000	820.003.000	367.848.000		
22	Trường THPT Huỳnh Ngọc Huệ	1010163	0176	9	1.620.245.000	1.620.245.000			
23	Trường THPT Thanh Khê	1026270	0166	2	972.382.000	972.382.000			
24	Trường THPT Nguyễn Dục	1027236	0172	5	1.610.702.000	1.464.686.000	146.016.000		
25	Trường THPT Tôn Thất Tùng	1041467	0168	1	944.312.000	944.312.000			
26	Trường THPT Phan Bội Châu	1045035	0171	4	2.267.168.000	2.267.168.000			
27	Trường THPT Trần Văn Dư	1045037	0171	4	689.862.000	689.862.000			
28	Trường THPT Quang Trung - Đông Giang	1045038	0175	8	421.172.000	421.172.000		-	-
29	Trường THPT Tổ Hữu	1045039	0176	9	520.266.000	520.266.000		-	-
30	Trường THPT Cao Bá Quát	1045040	0173	6	1.019.511.000	1.019.511.000			
31	Trường THPT Lương Thế Vinh	1045041	0179	12	1.223.922.000	1.223.922.000			
32	Trường THPT Lý Tự Trọng	1045043	0178	11	686.607.000	563.055.000	123.552.000		
33	Trường THPT Khâm Đức	1045131	0176	9	2.165.971.000	2.123.851.000	42.120.000		
34	Trường THPT Nguyễn Thái Bình	1045170	0178	11	1.064.915.000	1.064.915.000	-		
35	Trường THPT Huỳnh Thúc	1045172	0177	10	1.890.916.000	1.552.552.000	338.364.000	-	-
36	Trường PTDTNT THPT Quảng Nam	1060732	0179	12	605.498.000	598.927.000		6.571.000	-

TT	Đơn vị	Mã ĐV QHNS	Mã kho bạc	Kho bạc giao dịch	Tổng kinh phí bổ sung, trong đó	Đối với viên chức, người lao động trong chỉ tiêu biên chế giao		Đối với hợp đồng chuyên môn, nghệ thuật theo NQ14/NQ-HĐND	
						Phụ cấp ưu đãi theo nghề	Phụ cấp khu vực	Phụ cấp ưu đãi theo nghề	Phụ cấp khu vực
						Tính chất nguồn kinh phí: 13		Tính chất nguồn kinh phí: 12	
A	B	C	D	E	1=2+3+4+5	2	3	4	5
37	Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền	1062837	0166	2	907.282.000	907.282.000			
38	Trường THPT Phạm Phú Thứ	1062985	0166	2	944.218.000	944.218.000			
39	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	1063083	0161	KBNN KV XIII	1.296.257.000	1.296.257.000			
40	Trường THPT Nguyễn Huệ	1063739	0173	6	1.012.360.000	1.012.360.000			
41	Trường THPT Nguyễn Khuyến	1063742	0179	12	882.803.000	882.803.000			
42	Trường THPT Phan Thành Tài	1069371	0168	1	988.966.000	988.966.000			
43	Trường THPT Ông Ích Khiêm	1070487	0162	3	1.590.403.000	1.295.839.000	294.564.000		
44	Trường THPT Ngô Quyền	1070725	0168	1	1.064.999.000	1.064.999.000	-		
45	Trường THPT Nguyễn Trãi	1070731	0166	2	1.159.296.000	954.312.000	204.984.000		
46	Trường TH, THCS và THPT Ngũ Hành Sơn	1070732	0168	1	957.059.000	957.059.000	-		
47	Trường THPT Nguyễn Hiền	1070871	0161	KBNN KV XIII	1.300.161.000	1.300.161.000	-		
48	Trường THPT Nam Trà My	1072522	0177	10	1.640.467.000	1.620.811.000	19.656.000		
49	Trường THPT Bắc Trà My	1090324	0177	10	900.348.000	886.308.000	14.040.000		
50	Trường THPT Tây Giang	1090329	0174	7	1.102.960.000	1.102.960.000	-	-	-
51	Trường THPT chuyên Nguyễn Binh Khiêm	1092748	0171	4	986.836.000	986.836.000	-		
52	Trường THPT Trần Hưng Đạo	1096986	0179	12	665.041.000	665.041.000	-		
53	Trường THPT Trần Phú - Việt An	1098456	0178	11	396.981.000	318.806.000	60.372.000	6.571.000	11.232.000
54	Trường THPT Âu Cơ	1098671	0175	8	1.362.750.000	1.333.182.000	-	29.568.000	-
55	Trường PTDTNT THPT và THCS Nước Oa	1099720	0177	10	524.057.000	479.073.000	7.020.000	19.712.000	18.252.000

TT	Đơn vị	Mã ĐV QHNS	Mã kho bạc	Kho bạc giao dịch	Tổng kinh phí bổ sung, trong đó	Đối với viên chức, người lao động trong chỉ tiêu biên chế giao		Đối với hợp đồng chuyên môn, nghệ thuật theo NQ14/NQ-HĐND	
						Phụ cấp ưu đãi theo nghề	Phụ cấp khu vực	Phụ cấp ưu đãi theo nghề	Phụ cấp khu vực
						Tính chất nguồn kinh phí: 13		Tính chất nguồn kinh phí: 12	
A	B	C	D	E	1=2+3+4+5	2	3	4	5
56	Trường PTDTNT THPT và THCS Nam Trà My	1099722	0177	10	348.071.000	328.359.000	-	19.712.000	-
57	Trường PTDTNT THPT và THCS Phước Sơn	1099757	0176	9	270.795.000	284.835.000	(14.040.000)		
58	Trường THPT Duy Tân	1104319	0171	4	1.018.933.000	1.018.933.000	-		
59	Trường THPT Nguyễn Văn Trỗi	1110098	0176	9	573.646.000	573.646.000	-		
60	Trường THPT Hùng Vương	1110198	0171	4	891.433.000	891.433.000	-		
61	Trường THPT Cẩm Lệ	1114188	0168	1	900.722.000	900.722.000	-		
62	Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông	1114918	0179	12	944.648.000	944.648.000	-		
63	Trường THPT Liên Chiểu	1121951	0166	2	1.067.091.000	699.243.000	367.848.000		
64	Trường THPT Võ Chí Công	1123991	0168	1	597.936.000	597.936.000	-		
65	Trường THPT Hồ Nghinh	1125778	0179	12	703.064.000	703.064.000	-		
66	Trường THPT Võ Chí Công - Hùng Sơn	1127079	0174	7	238.399.000	218.687.000	-	19.712.000	-
67	Trường THPT Sơn Trà	1127102	0168	1	799.016.000	799.016.000	-		
68	Trường THPT Nguyễn Văn Thoại	1130309	0168	1	771.226.000	771.226.000	-		
II	Loại khoản 070 - 075								
1	Trung tâm GDTX Đà Nẵng	1070733	0168	1	1.750.484.000	1.750.484.000			
III	Loại khoản 070 - 072								
1	Trung tâm Hỗ trợ PTGD hòa nhập	1076378	0166	2	1.627.578.000	1.627.578.000	-		
	Tính chất nguồn				Tính chất nguồn 12				
IV	Loại khoản 070 - 098								
1	Văn phòng Sở GDĐT Đà Nẵng	1012275	0161	KBNN KV XIII	102.863.000	102.863.000	-		
	TỔNG CỘNG				76.847.000.000	74.355.078.000	2.343.000.000	116.630.000	32.292.000